

Bản án số: 578/2020/DS-PT

Ngày 29- 10- 2020

V/v “Tranh chấp về thừa kế tài sản, hủy  
giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Minh

*Các Thẩm phán:* Ông Phan Nhựt Bình

Ông Phan Văn Yên

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Minh Nghĩa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 503/2019/TLPT-DS ngày 30 tháng 9 năm 2019 về việc: “Tranh chấp về thừa kế tài sản, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 895/2019/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1271/2020/QĐPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Hồ Thị T**, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: 1873/20B Phạm Thế H, phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Thanh T - Công ty Luật Hợp danh T - Phòng 5.1 tầng 5, số 232/17 Lê Thanh S, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà **Hồ Thị C**, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: 155 Bùi Minh T, phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà **Hồ Thị N**, sinh năm 1958 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: C5/13 ấp 3, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Ông **Nguyễn Văn U**, sinh năm 1948 (có mặt).

Địa chỉ: 5C/5 ấp 3, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1948 (vắng mặt).

Địa chỉ: C6/6 ấp 3, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của ông S: Ông **Nguyễn Văn U**, sinh năm 1948, (Văn bản ủy quyền lập ngày 26/01/2018) (có mặt).*

3.4. Ông **Hồ Hoàng G**, sinh năm 1962 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 649/5 Hậu G, phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.5. Ông **Hồ Hoàng Đ**, sinh năm 1995 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.6. Bà **Hồ Ngọc Bích T**, sinh năm 1991 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 155 Bùi Minh T, phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.7. Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà **Nguyễn Thị T** (Văn bản ủy quyền số 292/UBND ngày 02/02/2018) (vắng mặt).

4. người kháng cáo: nguyên đơn là bà Hồ Thị T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 26/10/2017, sửa đổi đơn khởi kiện ngày 16/11/2017 và các bản khai, nguyên đơn bà Hồ Thị T trình bày:

Phần đất lúa diện tích 1200m<sup>2</sup> thuộc thửa 499 tờ bản đồ số 05 xã Q, huyện B thuộc phần đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà nội bà là Hồ Thị Phòng vào ngày 08/4/1993. Phần đất này bà nội bà chia cho cha mẹ bà ông Hồ Văn T1 và bà Trần Thị H. Do cha mẹ bà đã chết nên bà Hồ Thị C đứng ra đại diện các chị em nhận thay phần đất được chia. Sau khi nhận thay đất, một mình bà C làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Hồ Thị C vào ngày 22/3/1999. Việc UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Hồ Thị C, bà không biết. Theo bà, phần đất này bà nội và 02 người chú của bà là ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn U chia cho cha mẹ của bà vào đầu năm 1999. Cha bà là ông Hồ Văn T1 chết năm 1973 không có giấy chứng tử, mẹ bà là Trần Thị H chết ngày 09/11/1998. ông T1 và bà H chung sống với nhau có 03 người con là Hồ Thị N, Hồ Thị C và Hồ Thị T.

Bà đã nhiều lần liên hệ bà C yêu cầu chia đất thành 03 phần cho 03 chị em cùng hưởng nhưng bà C không đồng ý. Tháng 6/2017, bà có nộp đơn đến UBND xã Q yêu cầu chia phần đất 1200m<sup>2</sup> thành 03 phần mỗi phần 400m<sup>2</sup>, bà được hưởng 400m<sup>2</sup>. Ngày 15/6/2017, UBND xã Q hòa giải thì ý kiến bà C không đồng ý chia vì trên phần đất này có 01 căn nhà để thờ cúng, có 03 ngôi mộ của bà nội và của cha mẹ, nếu Nhà nước có quy hoạch tùy theo khả năng bà

C sẽ cho bà và bà N một phần vì tài sản của ông bà để lại. Bà không đồng ý với ý kiến của bà C.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 913 QSDĐ ngày 22/3/1999 của UBND huyện B cấp cho hộ Hồ Thị C. Yêu cầu chia thừa kế phần đất diện tích 1200m<sup>2</sup>, loại đất 2L thuộc thửa 499 tờ bản đồ số 05 xã Quy Đức, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh theo pháp luật, bà được hưởng 1/3 di sản là 400m<sup>2</sup> đất trồng thuộc phần đất nêu trên.

+ Bị đơn bà Hồ Thị C trình bày:

Phần đất lúa diện tích 1200m<sup>2</sup> thuộc thửa 499 tờ bản đồ số 05 xã Q, huyện B mà nguyên đơn đang tranh chấp có nguồn gốc của bà nội bà là Hồ Thị Phòng cho bà sử dụng từ năm 1996 – 1997, việc cho đất không lập giấy tờ. Gia đình bà sử dụng đến năm 1999 thì được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 973 ngày 22/3/1999 cho hộ Hồ Thị C. Năm 2003, bà có xây dựng trên đất 01 căn nhà cấp 4, không có giấy phép xây dựng. Gia đình bà ở tại căn nhà này từ đó cho đến nay, có trồng một số cây ăn trái. Trên đất còn có 03 ngôi mộ, mộ ông Hồ Văn T1 và bà Trần Thị H xây cất năm 1998 (mộ ông T1 bốc từ nơi khác về), mộ bà Hồ Thị Phòng xây cất năm 2002.

Bà xác định phần đất nêu trên và toàn bộ tài sản có trên đất là của gia đình bà không phải là di sản của cha mẹ để lại. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 973 ngày 22/3/1999 của UBND huyện B và yêu cầu chia di sản thừa kế. Đối với các ngôi mộ tồn tại trên đất bà không có ý kiến gì.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Hồ Thị N trình bày:

Cha mẹ bà là ông Hồ Văn T1 và bà Trần Thị H đều đã chết có 03 người con gồm: Hồ Thị N, Hồ Thị C và Hồ Thị T.

Phần đất lúa diện tích 1200m<sup>2</sup> thuộc thửa 499 tờ bản đồ số 05 xã Q, huyện B mà các bên đang tranh chấp có nguồn gốc của ông bà nội để lại cho bà C canh tác, sử dụng. Trong gia đình không có ai khiếu nại, vào năm 1999 bà có biết bà C được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng cũng không có khiếu nại. Bà nội Hồ Thị Phòng và người chú Nguyễn Văn U là người đã dẫn bà C ra làm giấy tờ kê khai, cấp giấy. Hiện nay, bà C đã xây dựng nhà và ở trên phần đất này. Bà xác định đây là đất của bà C và bà không có tranh chấp gì đối với phần đất này. Yêu cầu của bà T cho rằng đất của bà nội chia cho cha mẹ và đòi chia di sản thừa kế thành 03 phần bà không chấp nhận.

2. Ông Nguyễn Văn U và đại diện ông Nguyễn Văn S trình bày:

Hai ông là em cùng mẹ khác cha với ông Hồ Văn T1, con bà Hồ Thị Phòng. Phần đất lúa các bên đang tranh chấp có nguồn gốc của bà Hồ Thị Phòng, bà Phòng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Phòng muốn để lại cho ông T1 một phần đất. Thời điểm để lại đất ông không nhớ nhưng ông T1 đã chết trước đó. Ông và bà Phòng có ra xã Q ký giấy để bà Phòng cất 1200m<sup>2</sup> đất thuộc giấy chứng nhận của bà giao cho bà C. Thủ tục để bà C đứng tên và được

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông không biết. Từ đó đến nay bà C sử dụng đất, bà T không có sử dụng. Ông và ông S không có yêu cầu gì trong vụ án này, đề nghị Tòa xử theo quy định pháp luật.

3. Ông Hồ Hoàng G trình bày:

Ông là chồng của bà C. Phần đất diện tích 1200m<sup>2</sup> thuộc thửa 499 tờ bản đồ số 05 xã Q, huyện B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 973/QSDĐ ngày 22/3/1999 của UBND huyện B là của bà C canh tác, sử dụng. Trên đất có căn nhà cấp 4 và xung quanh có cây trồng. Bà C xây dựng nhà, ông và bà C đang sinh sống tại đây. Phần đất trên là tài sản của bà C không phải là di sản thừa kế. Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T đòi chia di sản thừa kế và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Bà Hồ Ngọc Bích T và ông Hồ Hoàng Đ cùng trình bày:

Ông, bà là con của bà Hồ Thị C và ông Hồ Hoàng G. Ông bà xác định phần đất diện tích 1200m<sup>2</sup> thuộc thửa 499 tờ bản đồ số 05 xã Q, huyện B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 973/QSDĐ ngày 22/3/1999 của UBND huyện B là tài sản của gia đình ông bà, không phải là di sản thừa kế. Ông bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T đòi chia di sản thừa kế và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

5. Bà Nguyễn Thị T, đại diện UBND huyện B trình bày:

UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 973/QSDĐ ngày 22/3/1999 cho hộ bà Hồ Thị C đảm bảo trình tự, thủ tục quy định tại phần II Thông T số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính về hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quy định thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm:

- Thông báo niêm yết hồ sơ đăng ký và xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND xã Q lập ngày 01/12/1998.

- Biên bản kết thúc việc công khai hồ sơ đăng ký và xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND xã Q lập ngày 20/12/1998.

- Tờ trình số 08/TT-UB ngày 13/01/1999 về việc phê duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND xã Q.

- Tờ trình số 129/TT-ĐC ngày 16/3/1999 của Phòng địa chính huyện B về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của xã Q.

- Quyết định số 210/QĐ-UB/QLĐT ngày 22/3/1999 của UBND huyện B về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 75 hộ (có danh sách đính kèm, trường hợp của hộ bà Hồ Thị C ở số thứ tự: 72). UBND huyện B đề nghị Tòa xét xử theo quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 895/2019/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ Điều 26; Điều 34; Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 158, Điều 612 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị T đòi chia di sản thừa kế phần đất diện tích 1200m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 499 tờ bản đồ số 05 xã Q, huyện B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện B cấp cho hộ Hồ Thị C ngày 22/3/1999.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Thị T đòi hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy số 973/QSĐĐ ngày 22/3/1999 của UBND huyện B cấp cho hộ Hồ Thị C.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Vào ngày 29/7/2019, nguyên đơn là bà Hồ Thị T kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

*Nguyên đơn bà Hồ Thị T trình bày:*

Theo như đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

*Bị đơn bà Hồ Thị C trình bày:*

Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn S là ông Nguyễn Văn U đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:*

- Về tổ tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Bà Hồ Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng sửa bản án nhưng tại phiên tòa yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm nhưng không đưa ra được chứng cứ mới nào chứng minh yêu cầu của mình nên không có cơ sở chấp nhận. Bà C sử dụng ổn định từ năm 1999 đến nay nên tài sản này là tài sản thuộc sử dụng hợp pháp của bà C. Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 895/2019/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[ 1 ] Nguyên đơn bà Hồ Thị T kháng cáo vì cho rằng phần đất 1.200m<sup>2</sup> đang tranh chấp là của bà Hồ Thị Phòng chia cho ông Hồ Văn T1 vào năm 1999; do ông T1 đã chết trước đó nên 03 người con của ông T1 là Hồ Thị T, Hồ Thị C, Hồ Thị N được hưởng. Bị đơn bà Hồ Thị C xác định đây là phần đất của bà C, được bà Hồ Thị Phòng cho riêng bà C, không phải là di sản của ông Hồ Văn T1.

Căn cứ theo bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện B cung cấp, Hội đồng xét xử nhận thấy: vào ngày 08/4/1993 bà Hồ Thị Phòng được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số 389 có diện tích 5.590m<sup>2</sup>. Đến năm 1999 bà Phòng đã tách 1.200m<sup>2</sup> đất thuộc phần đất trên giao cho bà C. Ngày 22/3/1999 UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất điều chỉnh diện tích đất công nhận cho bà Phòng còn 3.350m<sup>2</sup> (trừ diện tích đất mở rộng đường) và công nhận cho hộ bà C 1.200m<sup>2</sup>. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm:

+ Thông báo niêm yết hồ sơ đăng ký và xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND xã Q lập ngày 01/12/1998 có nội dung ghi rõ: “Bà cho cháu”.

+ Biên bản kết thúc việc công khai hồ sơ đăng ký và xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND xã Q lập ngày 20/12/1998;

+ Tờ trình số 08/TT-UB ngày 13/01/1999 về việc phê duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND xã Q;

+ Tờ trình số 129/TT-ĐC ngày 16/3/1999 của Phòng địa chính huyện B về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của xã Q;

+ Quyết định số 210/QĐ-UB/QLĐT ngày 22/3/1999 của UBND huyện B về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 75 hộ (có danh sách đính kèm, trường hợp của hộ bà Hồ Thị C ở số thứ tự: 72).

UBND huyện B đã tiến hành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà C đúng theo trình tự thủ tục của Luật Đất đai năm 1993 và Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà C không có ai khiếu nại. Từ khi được cấp giấy chứng nhận cho đến nay, hộ bà C sử dụng phần đất ổn định, liên tục, các tài sản trên đất đều do gia đình bà C tạo lập.

Nguyên đơn không chứng minh được ý chí của bà Phòng khi tách 1.200m<sup>2</sup> đất là nhằm cho chung bà T, bà C và bà N. Ngay chính bà N cũng xác định phần đất đang tranh chấp là của bà C, có nguồn gốc của ông bà nội để lại cho bà C canh tác, sử dụng. Vào năm 1999 bà N có biết bà C được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng trong gia đình không ai khiếu nại gì. Bà N còn trình bày chính bà Phòng và người chú Nguyễn Văn U là người đã dẫn bà C ra làm giấy tờ kê khai, cấp giấy; bà N không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn cho rằng đất của bà nội chia cho cha mẹ và đòi chia di sản thừa kế thành ba phần.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xác định phần đất 1.200m<sup>2</sup> đang tranh chấp là tài sản thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ bà Hồ Thị C, không phải là di sản của ông Hồ Văn T1 và bà Trần Thị H chết để lại. Do đó không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Đồng thời, các căn cứ trình bày của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 32 Luật Tố tụng hành chính; Điều 158, Điều 612 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị T đòi chia di sản thừa kế phần đất diện tích 1.200m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 499, tờ bản đồ số 05, xã Q, huyện B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện B cấp cho hộ Hồ Thị C ngày 22/3/1999.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Thị T đòi hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy số 973/QSĐĐ ngày 22/3/1999 của UBND huyện B cấp cho hộ Hồ Thị C.

3. Về án phí :

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồ Thị T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, sau khi khấu trừ tiền tạm ứng án phí 2.000.000 (Hai triệu) đồng mà bà T đã nộp tại Biên lai thu số AA/2017/0048357 ngày 12/12/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà T được trả lại 1.700.000 (Một triệu bảy trăm nghìn) đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hồ Thị T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà bà T đã nộp tại Biên lai thu số 0024124 ngày 06/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Minh**